



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 27111000018

ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận

2703001077

ngày 20 tháng 12 năm 2006

Đăng ký Doanh nghiệp số

2900783332

ngày 5 tháng 9 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 5 tháng 9 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester

Chủ tịch

Ông Văn Thanh Liêm

Thành viên

Ông Cao Thanh Bích

Thành viên

Ông Nguyễn Hồng Anh

Thành viên

Ông Võ Phước Giàu

Thành viên (từ ngày 15 tháng 10 năm 2024)

Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa

Thành viên (đến ngày 14 tháng 10 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thanh Vân

Trưởng ban

Bà Nguyễn Thanh Thủy

Thành viên

Bà Lưu Thanh Thảo

Thành viên

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Hồng Anh

Giám đốc

Ông Trần Quang Trung

Phó Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2025)

Ông Văn Bá Thi

Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Khóm 1, Xã Hưng Đạo

Huyện Hưng Nguyên

Tỉnh Nghệ An

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Điều hành
Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 6 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00464-25-1



Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		440.134.092.166	386.099.782.224
Tiền	110	5	50.433.344.833	28.575.511.984
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		259.500.000.000	249.717.653.857
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	259.500.000.000	249.717.653.857
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.403.538.455	42.794.167.861
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	42.436.283.535	38.594.478.260
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		352.803.776	213.671.266
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.614.451.144	3.986.018.335
Hàng tồn kho	140	9(a)	84.012.210.751	64.250.105.470
Hàng tồn kho	141		84.709.023.349	64.721.231.901
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(696.812.598)	(471.126.431)
Tài sản ngắn hạn khác	150		784.998.127	762.343.052
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		784.998.127	390.653.530
Thuế phải thu Nhà Nước	153		-	371.689.522
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		201.246.802.908	270.832.526.428
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		187.674.787.566	257.971.838.666
Tài sản cố định hữu hình	221	10	187.612.814.442	257.970.046.559
Nguyên giá	222		1.300.488.350.881	1.293.531.539.850
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.112.875.536.439)	(1.035.561.493.291)
Tài sản cố định vô hình	227	11	61.973.124	1.792.107
Nguyên giá	228		380.862.152	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(318.889.028)	(302.137.893)
Tài sản dở dang dài hạn	240		241.039.091	4.041.157.990
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	241.039.091	4.041.157.990
Tài sản dài hạn khác	260		13.300.976.251	8.789.529.772
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.059.357.056	708.114.502
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.346.262.609	2.294.335.615
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9(b)	4.895.356.586	5.787.079.655
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		641.380.895.074	656.932.308.652

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		133.146.238.020	154.067.624.035
Nợ ngắn hạn	310		132.974.238.020	153.416.993.635
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	21.186.921.920	16.204.745.318
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	97.167.571.524	102.171.228.035
Phải trả người lao động	314		2.261.149.994	2.341.137.385
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.589.389.521	7.753.698.596
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.746.205.061	4.180.877.501
Vay ngắn hạn	320	18	-	17.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	4.023.000.000	3.765.306.800
Nợ dài hạn	330		172.000.000	650.630.400
Phải trả dài hạn khác	337		-	500.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		172.000.000	150.630.400
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		508.234.657.054	502.864.684.617
Vốn chủ sở hữu	410	20	508.234.657.054	502.864.684.617
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.718.461.039	46.348.488.602
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.377.762.775	16.728.844.825
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		36.340.698.264	29.619.643.777
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		641.380.895.074	656.932.308.652

Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	935.030.033.556	809.156.113.830
Giá vốn hàng bán	11	26	878.826.373.969	762.442.770.131
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		56.203.659.587	46.713.343.699
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	11.780.142.818	14.292.458.835
Chi phí tài chính	22		990.326.026	735.786.303
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		990.326.026	735.786.303
Chi phí bán hàng	25		1.263.270.614	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	14.991.709.389	17.405.844.312
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		50.738.496.376	42.864.171.919
Thu nhập khác	31		3.724.466	45.203.693
Chi phí khác	32		-	711.685.880
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.724.466	(666.482.187)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.742.220.842	42.197.689.732
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	10.430.449.572	9.094.788.034
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	30	(51.926.994)	(196.742.079)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		40.363.698.264	33.299.643.777
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	808	670

Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	50.742.220.842	42.197.689.732
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	77.330.794.283	77.907.438.909
Các khoản dự phòng	03	281.004.586	962.340.798
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(11.780.142.818)	(14.292.458.835)
Lãi từ tài sản cố định đã xóa sổ	05	-	562.500.000
Chi phí lãi vay	06	990.326.026	735.786.303
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	117.564.202.919	108.073.296.907
Biến động các khoản phải thu	09	(3.942.139.031)	(19.809.446.111)
Biến động hàng tồn kho	10	(19.130.017.198)	4.566.104.792
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(8.358.240.164)	19.356.439.177
Biến động chi phí trả trước	12	(1.750.468.252)	(466.005.844)
		84.383.338.274	111.720.388.921
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.018.690.410)	(739.641.097)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.744.424.088)	(4.609.026.273)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.236.032.627)	(4.282.343.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	70.384.191.149	102.089.378.254
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(2.638.723.412)	(5.244.583.872)
Tiền chi gửi tiền gửi tại ngân hàng	23	(565.300.000.000)	(228.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi tại ngân hàng	24	555.517.653.857	156.897.534.247
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.226.311.255	4.515.658.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	805.241.700	(71.831.391.577)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vay ngắn hạn	33	314.000.000.000	310.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(331.000.000.000)	(293.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(32.331.600.000)	(30.770.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.331.600.000)	(13.770.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	21.857.832.849	16.487.186.677
Tiền đầu năm	60	28.575.511.984	12.088.325.307
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	50.433.344.833	28.575.511.984

Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 421/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 176 nhân viên (1/1/2024: 179 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	509.235.007	622.640.007
Tiền gửi ngân hàng	49.924.109.826	27.952.871.977
	<hr/>	<hr/>
	50.433.344.833	28.575.511.984
	<hr/>	<hr/>

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi từ 4,7% đến 5,2% một năm (1/1/2024: từ 4,5% đến 5,2% một năm).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	41.496.087.134	38.028.310.220
Các khách hàng khác	940.196.401	566.168.040
	<hr/>	<hr/>
	42.436.283.535	38.594.478.260
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	41.496.087.134	38.028.310.220

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay phải thu	2.407.060.685	3.884.998.291
Ký quỹ	15.000.000	15.000.000
Khác	192.390.459	86.020.044
	2.614.451.144	3.986.018.335

9. Hàng tồn kho**(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	8.015.624.857	-	130.840.000	-
Nguyên vật liệu	34.876.013.780	-	24.375.349.346	-
Công cụ và dụng cụ	884.151.523	(696.812.598)	1.944.494.833	(471.126.431)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.451.361.783	-	21.788.120.304	-
Thành phẩm	16.481.871.406	-	16.482.427.418	-
	84.709.023.349	(696.812.598)	64.721.231.901	(471.126.431)



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	471.126.431	2.595.479.424
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm	225.686.167	(232.534.311)
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	-	(1.891.818.682)
	696.812.598	471.126.431

(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	15.757.857.054	(10.862.500.468)	16.615.631.304	(10.828.551.649)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.828.551.649	7.720.488.258
Dự phòng trích lập trong năm	33.948.819	1.216.244.709
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.891.818.682
	10.862.500.468	10.828.551.649

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	223.437.662.362	1.049.189.968.241	7.650.541.526	11.551.315.214	1.702.052.507	1.293.531.539.850
Tăng trong năm	-	1.063.860.000	720.000.000	919.570.000	-	2.703.430.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.530.894.590	-	-	-	4.530.894.590
Điều chỉnh khác	-	(277.513.559)	-	-	-	(277.513.559)
Số dư cuối năm	223.437.662.362	1.054.507.209.272	8.370.541.526	12.470.885.214	1.702.052.507	1.300.488.350.881
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	110.611.422.889	905.050.654.857	7.521.719.286	10.698.514.002	1.679.182.257	1.035.561.493.291
Khấu hao trong năm	10.506.486.614	66.251.888.023	205.741.931	331.791.580	18.135.000	77.314.043.148
Số dư cuối năm	121.117.909.503	971.302.542.880	7.727.461.217	11.030.305.582	1.697.317.257	1.112.875.536.439
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	112.826.239.473	144.139.313.384	128.822.240	852.801.212	22.870.250	257.970.046.559
Số dư cuối năm	102.319.752.859	83.204.666.392	643.080.309	1.440.579.632	4.735.250	187.612.814.442

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá là 27.873 triệu VND (1/1/2024: 22.683 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	303.930.000
Tăng trong năm	76.932.152
	<hr/>
Số dư cuối năm	380.862.152
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	302.137.893
Khấu hao trong năm	16.751.135
	<hr/>
Số dư cuối năm	318.889.028
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.792.107
Số dư cuối năm	61.973.124
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 304 triệu VND (1/1/2024: 204 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	4.041.157.990	608.539.091
Tăng trong năm	4.725.894.590	3.995.118.899
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.530.894.590)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.995.118.899)	-
Xóa sổ	-	(562.500.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	241.039.091	4.041.157.990

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nâng cấp công suất nhà máy	195.000.000	-
Nâng cấp hệ thống rửa chai	-	1.897.599.514
Nâng cấp hệ thống ghép mí mắt Ferrum	-	1.619.694.341
Khác	46.039.091	523.864.135
	<hr/>	<hr/>
	241.039.091	4.041.157.990

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	298.001.812	-	410.112.690	708.114.502
Tăng trong năm	270.259.093	3.090.703.562	140.649.714	3.501.612.369
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.995.118.899	-	3.995.118.899
Phân bổ trong năm	(275.783.682)	(1.464.775.961)	(404.929.071)	(2.145.488.714)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	292.477.223	5.621.046.500	145.833.333	6.059.357.056

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.134.381.466	5.111.323.284
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	3.294.944.220	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.209.120.772	766.513.900
Công ty TNHH Thịnh Đức	543.065.600	2.387.320.000
Công ty TNHH Kronos Việt Nam	-	1.851.505.040
Các nhà cung cấp khác	9.005.409.862	6.088.083.094
	21.186.921.920	16.204.745.318

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.134.381.466	5.111.323.284
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	813.022.520	126.694.600
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	399.108.280	36.717.463
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	61.398.000	46.656.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số còn trừ VND	31/12/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.095.934.996	926.868.238.748	(931.170.665.597)	-	82.793.508.147
Thuế giá trị gia tăng	11.351.302.935	185.414.964.556	(117.987.655.611)	(68.829.115.099)	9.949.496.781
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.698.881.967	10.430.449.572	(9.744.424.088)	-	4.384.907.451
Thuế thu nhập cá nhân	25.108.137	1.007.405.002	(992.853.994)	-	39.659.145
Thuế khác	-	1.225.866.721	(854.177.199)	(371.689.522)	-
	102.171.228.035	1.124.946.924.599	(1.060.749.776.489)	(69.200.804.621)	97.167.571.524

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	4.223.840.202	4.252.204.586
Chi phí xây dựng	397.108.833	1.934.399.990
Chi phí phải trả khác	968.440.486	1.567.094.020
	5.589.389.521	7.753.698.596

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	2.559.900.000	3.391.500.000
Ký quỹ đã nhận	35.000.000	535.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	151.305.061	254.377.501
	2.746.205.061	4.180.877.501

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	17.000.000.000	314.000.000.000	(331.000.000.000)	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.765.306.800	3.518.022.260
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	4.023.000.000	3.680.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(529.274.173)	849.627.837
Sử dụng trong năm	(3.236.032.627)	(4.282.343.297)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.023.000.000	3.765.306.800

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	31.078.472.662	487.594.668.677
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	33.299.643.777	33.299.643.777
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(3.680.000.000)	(3.680.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (Thuyết minh 19)	-	-	(849.627.837)	(849.627.837)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	6.516.196.015	46.348.488.602	502.864.684.617
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.363.698.264	40.363.698.264
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(4.023.000.000)	(4.023.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 19)	-	-	529.274.173	529.274.173
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	450.000.000.000	6.516.196.015	51.718.461.039	508.234.657.054

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

22. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2024 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2023: 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 18.000 triệu VND đã được tạm ứng cho cổ đông trong năm 2022).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	1.599.041.000	1.239.041.000
Từ hai đến năm năm	5.406.164.000	4.956.164.000
Sau năm năm	36.241.949.250	37.480.990.250
	<hr/>	<hr/>
	43.247.154.250	43.676.195.250

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	68.591.686.360	54.083.250.635
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	455.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	69.046.686.360	54.083.250.635

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	924.284.512.272	802.893.469.981
▪ Bán phế liệu và doanh thu khác	10.745.521.284	6.262.643.849
	<hr/>	<hr/>
	935.030.033.556	809.156.113.830

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

	2024 VND	2023 VND
Bán thành phẩm	878.303.138.743	761.250.836.206
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	259.634.986	983.710.398
Giá vốn khác	263.600.240	208.223.527
	<hr/>	<hr/>
	878.826.373.969	762.442.770.131

27. Doanh thu tài chính

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	11.780.142.818	14.292.458.835
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	6.912.861.258	8.822.472.727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.935.085.258	3.038.557.856
Chi phí khấu hao	650.585.144	852.976.153
Chi phí quản lý khác	3.493.177.729	4.691.837.576
	<hr/>	<hr/>
	14.991.709.389	17.405.844.312

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024	2023
	VND	VND
<i>Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất</i>	726.597.612.328	612.228.985.685
Chi phí khấu hao và phân bổ	77.330.794.283	77.907.438.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.852.238.766	43.097.166.773
Chi phí nhân công và nhân viên	36.593.583.146	33.722.424.706
Chi phí khác	6.375.668.093	7.777.565.690

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	10.430.449.572	9.022.779.598
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	72.008.436
	10.430.449.572	9.094.788.034
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(51.926.994)	(196.742.079)
	10.378.522.578	8.898.045.955

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024	2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50.742.220.842	42.197.689.732
Thuế theo thuế suất của Công ty	10.148.444.168	8.439.537.946
Chi phí không được khấu trừ thuế	230.078.410	386.499.573
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	72.008.436
	10.378.522.578	8.898.045.955

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	40.363.698.264	33.299.643.777
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(4.023.000.000)	(3.680.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (**)	-	529.274.173
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	36.340.698.264	30.148.917.950

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại thành 670 đồng/cổ phiếu dựa trên số điều chỉnh đã trích lập vào quỹ khen thưởng phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 658 đồng/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.851.152.751.020	1.621.122.513.990
Bán nguyên vật liệu	-	226.478.513
Bán dịch vụ	263.600.240	208.223.527
Mua dịch vụ	153.768.000	-
Mua nguyên vật liệu	679.839.585.374	555.215.450.994
Cổ tức được công bố	21.665.000.000	9.285.000.000
Cổ tức đã trả	21.665.000.000	21.665.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua dịch vụ	6.262.758.908	5.585.549.612
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua công cụ và dụng cụ	496.713.700	356.656.652
Mua nguyên vật liệu	158.765.000	418.168.780
Mua dịch vụ	1.603.913.000	902.677.000
Mua tài sản cố định	536.080.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hoá	1.211.842.350	1.156.057.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình		
Cổ tức được công bố	1.166.666.900	500.000.100
Cổ tức đã trả	1.166.666.900	1.166.666.900
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi		
Mua nguyên vật liệu	721.450.000	303.200.000
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	116.483.840	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	98.564.512	-



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán công cụ dụng cụ	47.791.670	-
Mua nguyên vật liệu	-	178.250.000
Công ty TNHH Bất động sản Areco		
Mua dịch vụ	47.055.750	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Mua hàng hoá	5.738.400	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hoá	-	82.604.780
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hoá	-	32.364.000
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	130.000.000	32.500.000
Ông Neo Gim Siong Bennett – Chủ tịch	-	97.500.000
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Võ Phước Giàu – Thành viên	19.569.892	-
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa – Thành viên	71.430.108	54.347.220
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên	-	36.652.780
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ban Điều hành		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.580.173.935	1.985.197.534

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2024 VND	2023 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	4.980.933.330	-

34. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 31, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 6 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc